

Số : **6450** /TCHQ-CNTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2007

V/v: Hướng dẫn khai hải quan và cập nhật thông tin liên quan đến hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, điều hành hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới tại công văn số 147/VPCP-QHQT ngày 14/02/2007, Tổng cục Hải quan yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thực hiện việc nâng cấp các hệ thống Quản lý tờ khai (SLXNK), Quản lý loại hình gia công (GC), Quản lý loại hình nhập NL để SX hàng XK (SXXK), cập nhật đầy đủ thông tin và hướng dẫn doanh nghiệp khai hải quan đối với hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, cụ thể như sau:

1. Nâng cấp các hệ thống:

Cục Hải quan các tỉnh, thành phố cử cán bộ thực hiện:

- Tải bản nâng cấp chương trình và tài liệu hướng dẫn nâng cấp, tài liệu hướng dẫn sử dụng từ mạng nội bộ ngành Hải quan tại một trong hai địa chỉ:

+ Máy chủ 192.40.1.3, thư mục QLRR_Update\SLXNK Update 2007_11_15;

+ <http://10.224.33.10/forum>, file SLXNK Update 2007_11_15.rar;

- Thực hiện việc nâng cấp các hệ thống theo các bước trong tài liệu hướng dẫn.

2. Hướng dẫn doanh nghiệp khai hải quan đối với hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ:

2.1. Những tiêu chí khai trên tờ khai:

Ngoài việc phải khai báo đầy đủ các tiêu chí (các ô) trên tờ khai hải quan theo các quy định hiện hành, Các doanh nghiệp phải khai đầy đủ 05 tiêu chí gồm: mã số nhà sản xuất (mã MID), mã HTS của Hoa Kỳ, số Cat, đơn giá sản phẩm theo giá FOB và đơn vị tính. Việc khai trên tờ khai được thực hiện như sau:

- Ô số 1 “Người xuất khẩu”: khai bổ sung “Mã số nhà sản xuất (mã MID)” như trong Thông báo số 1059/TM-DM ngày 25/11/2005 của Bộ Thương mại về việc đăng ký mã số nhà sản xuất hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ;

- Ô số 13 “Tên hàng, quy cách phẩm chất”: khai báo theo cấu trúc gồm ba phần, giữa các phần là các dấu chấm phẩy (;) như sau: phần thứ nhất gồm

“Mã HTS 10 số của Hoa Kỳ”, phần thứ hai gồm “Số Cat” và phần thứ ba gồm “Tên hàng, quy cách phẩm chất”. Danh mục mã HTS tương ứng cho từng Cat có thể tra cứu tại địa chỉ <http://www.customs.gov.vn/detmay>;

Ví dụ: 6204624020;348;Quần lửng
hoặc 6204423060;336;Áo đầm dài trẻ em

- Ô số 16 “Đơn vị tính”: khai là “tá” đối với tất cả Cat (trừ “Quần áo bơi” có số Cat 359/659 khai là “kg”).

2.2. Hướng dẫn doanh nghiệp khai hải quan cho những đơn vị thanh khoản trên hệ thống máy tính:

Đối với những đơn vị sử dụng các hệ thống GC, SXXK để quản lý thanh khoản hợp đồng, việc khai hải quan được thực hiện như sau:

- Những Cat có “Đơn vị tính” theo yêu cầu quản lý là “tá”: khai trên tờ khai hải quan tại ô số 16 “Đơn vị tính” là đơn vị tính được khai báo theo đăng ký định mức trong các hợp đồng gia công hoặc sản xuất xuất khẩu;

- Những Cat có “Đơn vị tính” theo yêu cầu quản lý là “kg”:

+ Tại ô số 16 “Đơn vị tính”, với mỗi một mặt hàng, doanh nghiệp phải khai hai loại đơn vị tính: Đơn vị tính khai báo theo đăng ký định mức trong các hợp đồng gia công hoặc sản xuất xuất khẩu (ví dụ: “chiếc”, “cái”, “bộ”,...); Đơn vị tính thứ hai khai báo là “kg”;

+ Tại ô số 15 “Lượng” và ô số 17 “Đơn giá nguyên tệ” phải khai báo lượng và đơn giá nguyên tệ tương ứng cho từng đơn vị tính;

+ Đối với dòng đơn vị tính là “kg”, các thông tin về “Đơn vị tính”, “Lượng”, “Đơn giá nguyên tệ” phải được đặt trong dấu ngoặc đơn.

Ví dụ cụ thể như sau:

13. TÊN HÀNG QUY CÁCH PHẨM CHẤT	14. MÃ SỐ HÀNG HÓA	15. LƯỢNG	16. ĐƠN VỊ TÍNH	17. ĐƠN GIÁ NGUYÊN TỆ	18. TRỊ GIÁ NGUYÊN TỆ
HTS6112310010;CAT659S; Quần bơi của nam dệt kim từ sợi tổng hợp	6112311000	100 (2)	chiếc (kg)	5 (250)	500

3. Hướng dẫn cập nhật dữ liệu vào các hệ thống SLXNK, GC, SXXK:

Ngoài những chỉ tiêu đang được cập nhật theo qui định hiện hành, phải cập nhật đầy đủ, chính xác những chỉ tiêu mới được bổ sung bao gồm: “Nhà sản xuất (mã MID)”, “Mã HTS”, “ĐVT HTS”, “Lượng HTS” và “Đơn giá HTS”. Cụ thể:

3.1 Đối với những đơn vị sử dụng chương trình GC hoặc SXXK:

- Những Cat có đơn vị tính theo yêu cầu quản lý là “tá”: trường “ĐVT HTS” cập nhật giá trị là “tá”, các trường “Lượng HTS”, “Đơn giá HTS” cập nhật các giá trị đã được qui đổi tương ứng với đơn vị tính là “tá”;

- Đối với Cat có đơn vị tính theo yêu cầu quản lý là “kg”: các trường “ĐVT HTS”, “Lượng HTS” và “Đơn giá HTS” được cập nhật bằng các giá trị

tương ứng với đơn vị tính thứ hai đã được khai báo bổ sung trên tờ khai hải quan.

3.2 Những tờ khai khác:

Cập nhật lại các trường “ĐVT HTS”, “Lượng HTS” và “Đơn giá HTS” bằng giá trị tương ứng của các trường “ĐVT”, “Lượng” và “ĐG NT”.

3.3 Trường hợp cập nhật tờ khai từ các thiết bị lưu trữ của doanh nghiệp (đĩa mềm, USB):

Cấu trúc tập tin dữ liệu khai báo phải đầy đủ và tuân thủ các chỉ tiêu như qui định tại Phụ lục 2 kèm theo công văn này;

3.4 Đối với khai hải quan từ xa:

Tất cả các chương trình phục vụ việc khai hải quan từ xa đều phải tuân thủ các qui định tại Quyết định số 1447/QĐ-TCHQ ngày 21/8/2007 về việc “Ban hành Qui định tạm thời về định dạng một số chứng từ điện tử khai hải quan từ xa đối với hệ thống thông tin hải quan”.

4. Tổ chức thực hiện:

- Tổng cục Hải quan yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố tiếp nhận, cập nhật, kiểm tra và truyền các thông tin của hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ về Tổng cục ngay trong ngày làm việc;

- Việc nâng cấp chương trình phải thực hiện xong trước ngày 30/11/2007. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh phải báo cáo ngay về Tổng cục Hải quan (Cục CNTT & Thống kê Hải quan - số điện thoại: 04.8271815 hoặc 04.8732320, FAX: 04.8722810 hoặc địa chỉ <http://10.224.33.10/forum>) để nhận được hỗ trợ kịp thời;


- Công văn này thay thế cho công văn số 1668/TCHQ-CNTT ngày 23/3/2007 về việc “Khai báo, cập nhật, kiểm tra số liệu hàng dệt may xuất khẩu đi Hoa Kỳ” và công văn số 105/CNTT-TK ngày 11/5/2007 về việc “Hướng dẫn khai hải quan và cập nhật thông tin liên quan đến hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ”.

Tổng cục Hải quan yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố khẩn trương triển khai những nội dung nêu trên và có báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về Tổng cục Hải quan trước ngày 15/12/2007./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Trương Chí Trung (để b/c);
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- Các Phó tổng cục trưởng (để biết);
- Bộ Công Thương, Hiệp hội Dệt may, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (để phối hợp);
- Vụ GSQL, Cục ĐTCBL, Ban CCHĐHHQ (để phối hợp);
- Trang Thông tin điện tử Hải quan;
- Lưu: VT, CNTT-TKHQ (2b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Đặng Hạnh Thu

09625575



**Phụ lục 1: Danh mục chủng loại hàng (Cat) dệt may xuất khẩu
sang thị trường Hoa Kỳ phải khai báo và cập nhật bổ sung thông tin
(Kèm theo Công văn số 6450/TCHQ-CNTT)**

Cat	Mô tả	ĐVT
338/339	Áo sơ mi dệt kim nam, nữ chất liệu bông	tá
340/640	Áo sơ mi nam dệt thoi chất liệu bông và sợi nhân tạo	tá
341/641	Áo sơ mi nữ dệt thoi chất liệu bông và sợi nhân tạo	tá
345	Áo chui đầu chất liệu bông	tá
347/348	Quần nam nữ chất liệu bông	tá
352/652	Đồ lót chất liệu bông và sợi nhân tạo	tá
359/659	Quần áo bơi	kg
438	Sơ mi chất liệu len dệt kim	tá
440	Sơ mi nam, nữ chất liệu len	tá
446	Áo chui đầu nữ/bé gái chất liệu len	tá
447	Quần nam chất liệu len	tá
448	Quần nữ chất liệu len	tá
638/639	Áo sơ mi dệt kim nam, nữ chất liệu sợi nhân tạo	tá
645/646	Áo chui đầu chất liệu sợi nhân tạo	tá
647/648	Quần nam nữ chất liệu sợi nhân tạo	tá
838	Áo dệt kim từ sợi tơ tằm và sợi có nguồn gốc từ thực vật	tá
840	Áo không dệt kim từ sợi tơ tằm và sợi có nguồn gốc từ thực vật	tá
845	Áo chui đầu, làm bằng chất liệu khác (trừ sợi bông và sợi có nguồn gốc từ thực vật)	tá
846	Áo chui đầu, làm bằng chất liệu chủ yếu là sợi tơ tằm	tá
847	Quần dài/ quần ống chần/ quần soóc chất liệu hỗn hợp sợi tơ tằm và sợi có nguồn gốc từ thực vật	tá
852	Quần áo lót, chất liệu hỗn hợp từ sợi tơ tằm và sợi có nguồn gốc từ thực vật	tá

09625575

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com



Phụ lục 2: Cấu trúc tập tin dữ liệu khai báo phục vụ việc cập nhật tờ khai xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ từ thiết bị lưu trữ của doanh nghiệp
(Kèm theo Công văn số 6450 /TCHQ-CNTT)

1. Loại hình SXKK:

Dòng đầu tiên là tiêu đề, bắt buộc phải có. Dữ liệu bắt đầu từ dòng thứ hai trở đi.

Cột	Tiêu đề	Ghi chú
1	TEN_HANG	Tên mô tả hàng hóa
2	MA_HANG	Mã sản phẩm (qui ước)
3	MA_HS	Mã số trong hệ thống HS khai báo trên tờ khai
4	NUOC_XX	Nước xuất xứ khai báo trên tờ khai
5	TEN_DVT	Đơn vị tính khai báo trên tờ khai
6	LUONG	Số lượng khai báo trên tờ khai
7	DON_GIA_NT	Đơn giá hiện tại tính theo nguyên tệ khai báo trên tờ khai
8	TRI_GIA_NT	= Số lượng * Đơn giá
9	TRI_GIA_TINH_THUE	Tri giá tính thuế (nếu có)
10	TS_XNK	Thuế suất XNK của từng mặt hàng (nếu có)
11	TS_TTDB	Thuế suất TTDB của từng mặt hàng (nếu có)
12	TS_VAT	Thuế suất VAT của từng mặt hàng (nếu có)
13	TS_CLGIA	Thuế suất chênh lệch giá của từng mặt hàng (nếu có)
14	MA_HTS	Mã HTS 10 số của Hoa Kỳ (chi tiết mã HTS cho từng Cat tham khảo tại địa chỉ http://www.customs.gov.vn/detmay)
15	LUONG_HTS	Được qui đổi tương đương với “Đơn vị tính HTS”
16	DVT_HTS	Đơn vị tính theo yêu cầu quản lý của Cat có mã HTS đã khai báo (tham khảo tại Phụ lục 1 của Công văn này)
17	DONGIA_HTS	Được qui đổi tương đương với “Lượng HTS”
18	TT	Trạng thái dòng hàng (chỉ phục vụ cho Chương trình, doanh nghiệp không phải khai)

2. Loại hình gia công:

Cột	Tên khai báo tương ứng	Ghi chú
1	Mã hàng (qui ước)	Khai báo như qui định tại Công văn số 2236/TCHQ-CNTT ngày 19/5/2003 về việc “Hướng dẫn chi tiết việc khai báo trước thông qua phương tiện điện tử trong khâu đăng ký hồ sơ hải quan”
2	Tên nước xuất xứ	
3	Đơn vị tính	
4	Số lượng	
5	Đơn giá	
6	Mã HTS (của Hoa Kỳ)	Mã HTS 10 số của Hoa Kỳ
7	Lượng HTS	Được qui đổi tương đương với “Đơn vị tính HTS”
8	Đơn vị tính HTS	Đơn vị tính theo yêu cầu quản lý của Cat có mã HTS đã khai báo
9	Đơn giá HTS	Được qui đổi tương đương với “Lượng HTS”

3. Các loại hình khác:

Cột	Tên khai báo tương ứng	Ghi chú
1	Tên hàng	Khai báo như qui định tại Công văn số 2236/TCHQ-CNTT ngày 19/5/2003 về việc “Hướng dẫn chi tiết việc khai báo trước thông qua phương tiện điện tử trong khâu đăng ký hồ sơ hải quan”
2	Mã HS	
3	Tên nước xuất xứ	
4	Đơn vị tính	
5	Số lượng	
6	Đơn giá nguyên tệ	
7	Trị giá nguyên tệ	
8	Trị giá tính thuế	
9	Thuế suất XNK	
10	Thuế suất TTĐB	
11	Thuế suất VAT	
12	Tỷ lệ thu khác	
13	Mã HTS (của Hoa Kỳ)	Mã HTS 10 số của Hoa Kỳ
14	Lượng HTS	Được qui đổi tương đương với “Đơn vị tính HTS”
15	Đơn vị tính HTS	Đơn vị tính theo yêu cầu quản lý của Cat có mã HTS đã khai
16	Đơn giá HTS	Được qui đổi tương đương với “Lượng HTS”

09621575